

THÔNG BÁO

Về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Chương trình đào tạo Chuyên khoa I (mã đào tạo CK. 627256); Chuyên khoa II (mã đào tạo CK. 62725601); Cao học (mã đào tạo 8720157); Bác sĩ Nội trú (mã đào tạo NT. 62725601), chuyên ngành Nhân khoa của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chương trình đào tạo Chuyên khoa I (mã đào tạo CK. 627256); Chuyên khoa II (mã đào tạo CK. 62725601); Cao học (mã đào tạo 8720157); Bác sĩ Nội trú (mã đào tạo NT. 62725601), chuyên ngành Nhân khoa của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Chương trình đào tạo thực hành đại học Điều dưỡng (thực tập điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa mắt, mã số đào tạo 7720301) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Mắt tại Bản công bố số 365/BVM ngày 18 tháng 4 năm 2019 và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN MẮT**
2. Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 02817/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
3. Địa chỉ: số 280 đường Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3.
4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Nguyễn Minh Khải
5. Điện thoại liên hệ: 028.39325713; Email: bv.mat@tphcm.gov.vn

6. Chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng (thực tập điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa mắt); Nhãn khoa.

7. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học; Sau đại học (Nội trú, Cao học, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II).

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Mắt)

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết. *T. Thạc*

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện Mắt;
- Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (MT/04b).

TTHH

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Chi Thượng

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 365/BVM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y Tế Tp. Hồ Chí Minh. CN. Trần Thị Hồng Huyền

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Mắt TP. Hồ Chí Minh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 02817/SYT-GPHĐ, do Sở Y Tế Tp. HCM, cấp ngày 05/01/2019.

Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS. NGUYỄN MINH KHAI

Điện thoại liên hệ: 028. 39325713. Email: bv.mat@tphcm.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng, Nhãn khoa
2. Trình độ đào tạo thực hành: ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC (Thạc sĩ, chuyên khoa I, Bác sĩ nội trú, chuyên khoa 2, Tiến sĩ)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): Đính kèm phụ lục
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (đính kèm danh sách).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (đính kèm danh sách).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (đính kèm danh sách).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

1. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu
2. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng
3. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN MẮT
NGUYỄN MINH KHAI

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆH
(Kèm theo bảng công bố số 365/BVM ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Bệnh viện Mắt)

I. Đại Học Y Dược TP.HCM

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	8720157	Thạc sĩ	Nhãn khoa	Bệnh học kết giác cùng mạc và phần phụ	1. Bệnh học kết mạc. 2. Bệnh học giác mạc. 3. Bệnh học cùng mạc. 4. Bệnh lý giác mạc di truyền. 5. Bệnh học lệ bộ- mi mắt – hốc mắt. 6. Bệnh lý u hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa (THTM- TKNK)	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh và chấn thương	1. Bệnh học glôcôm. 2. Bệnh học thể thủy tinh. 3. Chấn thương nhãn cầu. 4. Chấn thương hốc mắt - phần phụ. 5. Bồng mắt.	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
						Khoa THTH& TKNK	6	30	35	105	0	75

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh học màng bồ đào - dịch kính – võng mạc	1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu võng mạc. 4. Bệnh lý bong võng mạc. 5. Bệnh lý hoàng điểm. 6. Bệnh lý võng mạc đái tháo đường.	Khoa Dịch Kính võng mạc (DKVM)	5	25	30	90	0	75
				Thần kinh nhãn khoa – Lác mắt	1. Lác cơ năng. 2. Bệnh học các thần kinh ngoại biên. 3. Bệnh nhãn giáp. 4. Bệnh lý nhược cơ.	Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học nhãn nhi	1. Bệnh lý nhãn nhi. 2. Bệnh học thần kinh thị.	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80
				CT scan và MRI trong nhãn khoa	1. CT scan trong nhãn khoa. 2. MRI trong nhãn khoa.	Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa	1. Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa.	Khoa Chẩn Đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
				Siêu âm trong nhãn khoa	1. Siêu âm trong nhãn khoa.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
				Thị trường	1. Thị trường.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bỏng - Chấn thương	1. Chấn thương nhãn cầu. 2. Chấn thương hốc mắt - phần phụ. 3. Bỏng mắt.	Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
						Khoa Giác Mục	6	30	30	90	0	60
2	62 72 56	Chuyên khoa I	Nhãn khoa	Nhãn khoa cơ sở và các khám nghiệm cận lâm sàng	1. Giải phẫu sinh lý mắt. 2. Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa. 3. Thị lực - Thị trường. 4. Siêu âm trong nhãn khoa. 5. CT scan – MRI trong nhãn khoa. 6. Topography.	Khoa Chấn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
						Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học phần trước	1. Bệnh học kết mạc. 2. Bệnh học giác mạc. 3. Bệnh học củng mạc. 4. Bệnh lý giác mạc di truyền. 5. Bệnh học lệ bộ- mi mắt – hốc mắt. 6. Bệnh lý u hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mục	6	30	30	90	0	60
						Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh	1. Bệnh học glôcôm. 2. Bệnh học thể thủy tinh.	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
						Khoa Tổng Hợp	3	15	30	90	0	75
				Bỏng - Chấn thương mắt	1. Chấn thương nhãn cầu. 2. Chấn thương hốc mắt - phần phụ.	Khoa THTM& TKNK	8	40	35	105	0	65

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					3. Bồng mắt.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
				Bệnh học phần sau	1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu võng mạc. 4. Bệnh lý bong võng mạc. 5. Bệnh lý hoàng điểm. 6. Bệnh lý võng mạc đái tháo đường.	Khoa Dịch Kính Võng Mạc	5	25	30	90	0	75
				Bệnh học nhãn nhi - Tật khúc xạ	1. Bệnh lý nhãn nhi. 2. Tật khúc xạ. 3. Các phương pháp điều trị tật khúc xạ.	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80
				Thần kinh nhãn khoa – Lé cơ năng	1. Bệnh học các thần kinh ngoại biên. 2. Bệnh nhãn giáp. 3. Bệnh lý nhược cơ. 4. Lé cơ năng.	Khoa THTM& TKNK	5	25	35	105	0	80
3	62725601	Nội Trú	Nhãn khoa	Các phẫu thuật và gây tê trong nhãn khoa	1. Các phẫu thuật trong nhãn khoa. 2. Gây tê trong nhãn khoa.	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	5	25	10	30	0	5
				CT scan và MRI trong nhãn khoa	1. CT scan trong nhãn khoa. 2. MRI trong nhãn khoa.	Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Chụp mạch huỳnh quang	1. Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tạ i khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				trong nhãn khoa								
				Bệnh học kết giác cùng mạch và phần phụ.	1. Bệnh học kết mạc. 2. Bệnh học giác mạc. 3. Bệnh học cùng mạc. 4. Bệnh lý giác mạc di truyền. 5. Bệnh học lệ bộ- mi mắt – hốc mắt. 6. Bệnh lý u hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa THTM&TK NK	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh và chấn thương.	1. Bệnh học glôcôm. 2. Bệnh học thể thủy tinh. 3. Chấn thương nhãn cầu. 4. Chấn thương hốc mắt - phần phụ. 5. Bồng mắt.	Khoa Tổng Hợp	3	15	30	90	0	75
						Khoa THTM&TK NK	6	30	35	105	0	75
				Bệnh học màng bồ đào - dịch kính – võng mạc.	1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu võng mạc. 4. Bệnh lý bong võng mạc. 5. Bệnh lý hoàng điểm. 6. Bệnh lý võng mạc đái tháo đường.	Khoa Dịch Kính Võng Mạc	5	25	30	90	0	75
				Bệnh học nhãn nhĩ - Thần kinh nhãn khoa	1. Bệnh lý nhãn nhĩ. 2. Bệnh học thần kinh thị. 3. Bệnh học các thần kinh ngoại biên.	Khoa THTM& TKNK	6	30	25	75	0	45

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					4. Bệnh nhãn giáp. 5. Bệnh lý nhược cơ.							
				Siêu âm trong nhãn khoa	1. Siêu âm trong nhãn khoa.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
				Lác mắt	1. Lác cơ năng. 2. Lác liệt.	Khoa THTM& TKNK	6	30	25	75	0	45
				Kỹ năng thực hiện siêu âm mắt, OCT, thị trường	1. Siêu âm mắt. 2. OCT. 3. Thị trường.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
				Kỹ năng thực hiện laser iridotomy – capsulotomy	1. Laser trong nhãn khoa. 2. Laser Iridotomy capsulotomy.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	25	0	0	0	25
				Phẫu thuật mi mắt thông thường	1. Chấp, lẹo mi. 2. Quặm mi. 3. U mi.	Khoa Khám mắt	5	25	0	0	0	25
				Phẫu thuật bề mặt nhãn cầu	1. Mộng thịt. 2. Kỹ thuật ghép màng ối, dán keo.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa Khám mắt	5	25	0	0	0	25

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tạ i khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Phẫu thuật nhũ tương hoá thể thuỷ tinh	1. Phẫu thuật nhũ tương hoá thể thuỷ tinh. 2. Kính nội nhãn.	Khoa Tổng Hợp	3	15	30	90	0	75
				Phẫu thuật cắt bè cùng mạc	1. Phẫu thuật cắt bè cùng mạc.	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
				Đo khúc xạ chủ quan và ra toa kính	1. Kỹ thuật đo khám khúc xạ chủ quan.	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
				Xử trí cấp cứu mắt	1. Cấp cứu bong mắt. 2. Cấp cứu chấn thương nhãn cầu.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75
				Các xét nghiệm cận lâm sàng hiện đại trong nhãn khoa	1. Chụp mạch huỳnh quan trong nhãn khoa. 2. Thị trường. 3. Siêu âm trong nhãn khoa. 4. CT scan – MRI trong nhãn khoa. 5. Topography. 6. OCT – HRT.	Khoa Chẩn đoán hình Ảnh	5	25	0	0	0	25
4	62 72 56 01	Chuyên khoa cấp II	Nhãn khoa	Chuyên đề 1: Bệnh học	1. Bệnh học kết giác cùng mạc. 2. Bệnh học màng bồ đào. 3. Bệnh học dịch kính võng mạc. 4. Bệnh học hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa DKVM	5	25	30	90	0	75
						Khoa THTM& TKNK	6	30	35	105	0	75

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Chuyên đề 2: Lâm sàng - Cận lâm sàng	1. Lâm sàng - cận lâm sàng kết giác cùng mạc. 2. Lâm sàng - cận lâm sàng màng bồ đào. 3. Lâm sàng - cận lâm sàng dịch kính võng mạc. 4. Lâm sàng - cận lâm sàng hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa DKVM	5	25	25	75	0	50
						Khoa THTM&TKNK	6	30	35	105	0	75
				Chuyên đề 3: Điều trị	1. Điều trị kết giác cùng mạc. 2. Điều trị màng bồ đào. 3. Điều trị dịch kính võng mạc. 4. Điều trị hốc mắt - phần phụ.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa DKVM	5	25	30	90	0	75
						Khoa THTM&TKNK	6	30	35	105	0	75
				Glôcôm - Đục thể thủy tinh	1. Đục thủy tinh thể 2. Bệnh glôcôm	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
						Khoa Tổng Hợp	3	15	30	90	0	75
				Kết giác cùng mạc	1. Viêm kết mạc. 2. Viêm loét giác mạc. 3. Viêm cùng mạc.	Khoa Giác Mạc	6	30	30	90	0	60
				Màng bồ đào - võng mạc	1. Viêm màng bồ đào. 2. Bong võng mạc. 3. U nội nhãn.	Khoa Dịch kính võng mạc	5	25	30	90	0	75
						Khoa THTM&TKNK	6	30	35	105	0	75
				Hốc mắt - phần phụ -	1. U hốc mắt. 2. Tắc lệ đạo.	Khoa THTH&	6	30	35	105	0	75

S T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường /ghế răng tạ i khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường /ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				thần kinh nhân khoa	3. Viêm thần kinh thị. 4. Sụp mí.	TKNK						
				Nhãn nhi	1. U nguyên bào vồng mạc. 2. Bệnh lý vồng mạc trẻ sinh non. 3. Viêm kết mạc dị ứng. 4. Lề cơ năng.	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	85

II. ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đ ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tập Điều dưỡng Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Tín chỉ: 1	- Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân chuyên khoa Mắt; - Nhận diện triệu chứng lâm sàng các bệnh chuyên khoa Mắt thường gặp trên bệnh nhân; - Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân; thực hiện các kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt tròng chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa Mắt; - Rèn luyện đạo đức người Điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.	Giác mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
						Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80
						Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
						Khoa Dịch kính Vỡ màng	5	25	30	90	0	75
						Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
2	60720157	Thạc sĩ	Nhãn khoa	Thực tập chuyên ngành Nhãn khoa (Thạc sĩ Nhãn khoa) Số tiết học phần: 900 Số tín chỉ: 40	Viêm giác mạc vi trùng, viêm giác mạc do nấm, viêm giác mạc do virus, khô mắt, viêm bờ mi, viêm kết mạc... Xuất huyết tiền phòng; rách giác mạc, rách củng mạc, đục lệch thủy tinh thể, viêm thần kinh thị, thiếu máu thần kinh thị, viêm tổ chức hốc mắt... Viêm kết mạc sơ sinh, tắc lệ đạo bẩm sinh, Glaucoma bẩm	Khoa Giác mạc	6	30	30	90	0	60
						Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
						Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đ ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					sinh, viêm loét giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương mắt trẻ em, lệ trong bẩm sinh, lệ ngoài từng lúc							
					Soi góc tiền phòng, góc đóng cấp, glaucoma góc đóng cấp, glaucoma góc mở, glaucoma thứ phát, laser cắt mỏng mắt chu biên, laser tạo hình vùng bè, cắt bề cùng mạc....	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
					Viêm màng bồ đào, bong võng mạc, võng mạc thoái hóa đường, tắc tĩnh mạch võng mạc, màng trước võng mạc, viêm mù nội nhãn...	Khoa Dịch kính Võng mạc	5	25	30	90	0	75
					Sinh lý thị giác 2 mắt; Thử kính sau mổ lấy thủy tinh thể; Cách đo kính cận, viễn, loạn; cách viết đơn kính	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
3	62725601	Nội trú	Nhãn khoa	Thực tập chuyên ngành Nhãn khoa (Bác sĩ nội trú Nhãn khoa) Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68	Viêm giác mạc vi trùng, viêm giác mạc do nấm. viêm giác mạc do virus, khô mắt, viêm bờ mi, viêm kết mạc...	Khoa Giác mạc	6	30	30	90	0	60
					Xuất huyết tiền phòng; rách giác mạc, rách cùng mạc, đục lệch thủy tinh thể, viêm thần kinh thị, thiếu máu thần kinh thị, viêm tổ chức hốc mắt...	Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
					Viêm kết mạc sơ sinh, tắc lệ đạo bẩm sinh, Glaucoma bẩm sinh, viêm loét giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương mắt	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đ ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					trẻ em, lé trong bẩm sinh, lé ngoài từng lúc							
					Soi góc tiền phòng, góc đóng cấp, glaucoma góc đóng cấp, glaucoma góc mở, glaucoma thứ phát, laser cắt mỏng mắt chu biên, laser tạo hình vùng bề, cắt bề cứng mạc....	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
					Viêm màng bồ đào, bong võng mạc, võng mạc dải tháo đường, tắc tĩnh mạch võng mạc, màng trước võng mạc, viêm mù nội nhãn...	Khoa Dịch kính Võng mạc	5	25	30	90	0	75
					Sinh lý thị giác 2 mắt; Thử kính sau mô lấy thủy tinh thể; Cách đo kính cận, viễn, loạn; cách viết đơn kính	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
4	8720157	Chuyên khoa 1	Nhãn khoa	Thực tập chuyên ngành Nhãn khoa (Chuyên khoa 1) Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65	Viêm giác mạc vi trùng, viêm giác mạc do nấm. viêm giác mạc do virus, khô mắt, viêm bờ mi, viêm kết mạc...	Khoa Giác mạc	6	30	30	90	0	60
					Xuất huyết tiền phòng; rách giác mạc, rách củng mạc, đục lệch thủy tinh thể, viêm thần kinh thị, thiếu máu thần kinh thị, viêm tổ chức hốc mắt...	Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
					Viêm kết mạc sơ sinh, tắc lệ đạo bẩm sinh, Glaucoma bẩm sinh, viêm loét giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương mắt trẻ em, lé trong bẩm sinh, lé ngoài từng lúc	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/d ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Soi góc tiền phòng, góc đóng cấp, glaucoma góc đóng cấp, glaucoma góc mở, glaucoma thứ phát, laser cắt mỏng mắt chu biên, laser tạo hình vùng bè, cắt bè cùng mạc....	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50
					Viêm màng bồ đào, bong võng mạc, võng mạc đáy thào đường, tắc tĩnh mạch võng mạc, màng trước võng mạc, viêm mù nội nhãn...	Khoa Dịch kính Võng mạc	5	25	30	90	0	75
					Sinh lý thị giác 2 mắt; Thử kính sau mô lấy thủy tinh thể; Cách đo kính cận, viễn, loạn; cách viết đơn kính	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
5	60720157	Chuyên khoa 2	Nhãn Khoa	Thực tập chuyên ngành Nhãn khoa (Chuyên khoa 2) Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50	Viêm giác mạc vi trùng, viêm giác mạc do nấm, viêm giác mạc do virus, khô mắt, viêm bờ mi, viêm kết mạc...	Khoa Giác mạc	6	30	30	90	0	60
					Xuất huyết tiền phòng; rách giác mạc, rách cùng mạc, đục lệch thủy tinh thể, viêm thần kinh thị, thiếu máu thần kinh thị, viêm tổ chức hốc mắt...	Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
					Viêm kết mạc sơ sinh, tắc lệ đạo bẩm sinh, Glaucoma bẩm sinh, viêm loét giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương mắt trẻ em, lệ trong bẩm sinh, lệ ngoài từng lúc	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80
					Soi góc tiền phòng, góc đóng cấp, glaucoma góc đóng cấp,	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/d ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					glaucoma góc mở, glaucoma thứ phát, laser cắt mỏng mắt chu biên, laser tạo hình vùng bè, cắt bè cùng mạc....							
					Viêm màng bồ đào, bong võng mạc, võng mạc đài tháo đường, tắc tĩnh mạch võng mạc, màng trước võng mạc, viêm mủ nội nhãn...	Khoa Dịch kính Võng mạc	5	25	30	90	0	75
					Sinh lý thị giác 2 mắt; Thử kính sau mổ lấy thủy tinh thể; Cách đo kính cận, viễn, loạn; cách viết đơn kính	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15
					Xuất huyết tiền phòng; rách giác mạc, rách cùng mạc, đục lệch thủy tinh thể, viêm thần kinh thị, thiếu máu thần kinh thị, viêm tổ chức hốc mắt...	Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	6	30	35	105	0	75
					Viêm kết mạc sơ sinh, tắc lệ đạo bẩm sinh, Glaucoma bẩm sinh, viêm loét giác mạc, viêm màng bồ đào, chấn thương mắt trẻ em, lệ trong bẩm sinh, lệ ngoài từng lúc	Khoa Mắt Nhi	5	25	35	105	0	80
					Soi góc tiền phòng, góc đóng cấp, glaucoma góc đóng cấp, glaucoma góc mở, glaucoma thứ phát, laser cắt mỏng mắt chu biên, laser tạo hình vùng bè, cắt bè cùng mạc....	Khoa Glaucoma	8	40	30	90	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đ ơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Viêm màng bồ đào, bong võng mạc, võng mạc đái tháo đường, tắc tĩnh mạch võng mạc, màng trước võng mạc, viêm mù nội nhãn...	Khoa Dịch kính Võng mạc	5	25	30	90	0	75
					Sinh lý thị giác 2 mắt; Thử kính sau mổ lấy thủy tinh thể; Cách đo kính cận, viễn, loạn; cách viết đơn kính	Khoa Khúc xạ	3	15	0	0	0	15

NGƯỜI LẬP BẢNG


 CN. Trần Thị Kiều Nguyễn

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. NGUYỄN MINH KHẢI

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**
(Kèm theo bảng công bố số 365/BVM ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Bệnh viện Mắt)

1. ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM:

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	KHOA GIÁC MẠC									
1	Diệp Hữu Thắng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0004721/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21	1. Bệnh học kết giác cùng mạc và phần phụ 2. Phẫu thuật bề mặt nhãn cầu 3. Chuyên đề: Lâm sàng - Cận lâm sàng	1. Bệnh học kết mạc. 2. Bệnh học giác mạc. 3. Bệnh học cùng mạc. 4. Bệnh lý giác mạc di truyền. 5. Mộng thị. 6. Kỹ thuật ghép màng ối, dán keo	Khoa Giác Mạc	30
2	Trần Thị Cẩm Thanh	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0014612/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	10				
3	Nguyễn Thị Hồng An	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0000759/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
4	Phạm Nguyên Huân	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002627/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	11				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
5	Lê Thanh Ngọc	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002645/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	20	4. Chuyên đề 3: Điều trị	7. Lâm sàng - cận lâm sàng kết giác củng mạc.		
6	Hà Thị Mỹ Dung	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002622/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	23	5. Kết giác củng mạc	8. Điều trị kết giác củng mạc 9. Viêm kết mạc. 10. Viêm loét giác mạc 11. Viêm củng mạc.		
KHOA TẠO HÌNH THẨM MỸ - THẦN KINH NHÃN KHOA										
1	Nguyễn Thanh Nam	Tiến sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	002520/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23	Thần kinh nhãn khoa – Lác mắt	1. Lác cơ năng. 2. Bệnh học các thần kinh ngoại biên. 3. Bệnh nhãn giáp. 4. Bệnh lý nhược cơ.	Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	35
2	Võ Nguyên Uyên Thảo	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002780/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Biện Thị Cẩm Vân	Bác sĩ Chuyên khoa I	Nhãn khoa	0015522/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9	Hốc mắt - phần phụ - thần kinh nhãn khoa	1. U hốc mắt. 2. Tắc lệ đạo. 3. Viêm thần kinh thị. 4. Sụp mí.		
4	Dương Công Hinh	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0008605/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
5	Đặng Xuân Mai	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003674/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	12				
6	Nguyễn Thị Xuân	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	013250/H CM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	13				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
KHOA GLAUCOMA										
1	Nguyễn Trí Dũng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	24	Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh và chấn thương Phẫu thuật cắt bè cùng mạc	1. Bệnh học glôcôm. 2. Phẫu thuật cắt bè cùng mạc.	Glaucoma	30
2	Trang Thanh Nghiệp	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003808/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Phạm Thị Thùy Tiên	Tiến sỹ Bác sỹ	Nhãn khoa	0006658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	16				
4	Mai Đăng Tâm	Thạc sỹ Bác sỹ	Nhãn khoa	002774/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22				
5	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0022848/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	14				
6	Huỳnh Võ Mai Quyên	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	10				
7	Trương Thu Lệ Hà	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17				
8	Huỳnh Thúc Thí	Điều dưỡng Chuyên khoa 1	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002658/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	27				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
KHOA DỊCH KÍNH VỒNG MẠC										
1	Ngô Thanh Tùng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003096/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17	1. Bệnh học màng bồ đào - dịch kính - vồng mạc 2. Bệnh học phần sau 3. Bệnh học màng bồ đào - dịch kính - vồng mạc 4. Màng bồ đào - vồng mạc	1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu vồng mạc. 1. Bệnh lý bong vồng mạc. 2. Bệnh lý hoàng điểm. 3. Bệnh lý vồng mạc đái tháo đường.	Khoa Dịch Kính vồng mạc	30
2	Nguyễn Như Quân	Thạc sỹ Bác sỹ	Nhãn khoa	0001316/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13		1. Bệnh lý bong vồng mạc. 2. Bệnh lý hoàng điểm. 3. Bệnh lý vồng mạc đái tháo đường.		
3	Dương Quốc Cường	Thạc sỹ Bác sỹ	Nhãn khoa	0002742/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	10		1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu vồng mạc. 4. Bệnh học dịch kính vồng mạc. 5. Lâm sàng - cận lâm sàng dịch kính vồng mạc 6. Điều trị dịch kính vồng mạc		
4	Trần Thị Thanh Hồng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0021658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21		1. Viêm màng bồ đào. 2. Bệnh học dịch kính. 3. Bệnh lý mạch máu vồng mạc. 4. Bệnh học dịch kính vồng mạc. 5. Lâm sàng - cận lâm sàng dịch kính vồng mạc 6. Điều trị dịch kính vồng mạc		
5	Đỗ Thị Thùy Dương	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0016284/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	21		1. Viêm màng bồ đào. 2. Bong vồng mạc. 3. U nội nhãn.		
KHOA MẮT NHI										
1	Nguyễn Ngọc Châu Trang	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002789/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	25	Bệnh học nhãn nhi - Tật khúc xạ	1. Bệnh lý nhãn nhi. 2. Tật khúc xạ.	Khoa Mắt Nhi	35

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
2	Nguyễn Chí Trung Thế Truyền	Tiến sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0004968/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	18	Bệnh học nhãn nhi	3. Các phương pháp điều trị tật khúc xạ.		
3	Võ Thị Hương Lan	Bác sĩ chuyên khoa I	Nhãn khoa	0003671/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	20		1. U nguyên bào vồng mạc. 2. Bệnh lý vồng mạc trẻ sinh non. 3. Viêm kết mạc dị ứng. 4. Lề cơ năng.		
4	Mai Thị Cẩm Nhung	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0013307/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	12				
5	Võ Thị Chinh Nga	Bác sĩ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	003073/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
KHOA KHÁM MẮT										
1	Nguyễn Văn Thịnh	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	003083/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22	1. Phẫu thuật mi mắt thông thường 2. Thực hành nhãn khoa	1. Chắp, lẹo mi. 2. Quặm mi. 3. U mi. 4. Thực hành khám Mắt	Phòng khám	0
2	Võ Nguyên Uyên Thảo	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002780/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Phan Trọng Nghĩa	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002644/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	29				
4	Nguyễn Quang Huy	Bác sĩ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002754/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
5	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	014829/H CM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	15				
KHOA TỔNG HỢP										
1	Nguyễn Đỗ Nguyên	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0003739/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22	1. Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh 2. Phẫu thuật nhũ tương hoá thể thủy tinh	1. Bệnh học thể thủy tinh 1. Phẫu thuật nhũ tương hoá thể thủy tinh. 2. Kính nội nhãn.	Khoa Tổng hợp	30
2	Nguyễn Quang Vinh	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	013346/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13				
3	Đoàn Thị Ngọc An	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0015775/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	13				
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH										
1	Trần Thị Thanh Hồng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0021658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21	1. Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa 2. Siêu âm trong nhãn khoa 3. Thị trường	1. Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa. 1. Siêu âm trong nhãn khoa 1. Thị trường.	Chẩn đoán hình ảnh	0
2	Nguyễn Như Quân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhân khoa	0001316/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13				
3	Âu Tâm Hào	Bác sĩ chuyên khoa 1	Nhân khoa	012761/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
4	Võ Quang Hồng Diễm	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhân khoa	0021861/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
5	Phạm Thanh Châu	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002493/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	20	4. Nhãn khoa cơ sở và các khám nghiệm cận lâm sàng 5. Kỹ năng thực hiện siêu âm mắt, OCT, thị trường 6. Kỹ năng thực hiện laser iridotomy – capsulotomy	1. Giải phẫu sinh lý mắt. 2. Chụp mạch huỳnh quan trong nhãn khoa. 3. Thị lực - Thị trường. 4. Siêu âm trong nhãn khoa. 5. CT scan – MRI trong nhãn khoa. 6. Topography. 1. Siêu âm mắt. 2. OCT. 3. Thị trường. 1. Laser trong nhãn khoa. 2. Laser Iridotomy – capsulotomy		
KHOA KHÚC XẠ										
1	Phan Hồng Mai	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003233/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	19	1. Bệnh học Tật khúc xạ	1. Tật khúc xạ. 2. Các phương pháp điều trị tật khúc xạ.	Khúc xạ	0
2	Hà Tư Nguyên	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002591/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
3	Lê Thị Kim Chi	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003159/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	15	2. Đo khúc xạ chủ quan và ra toa kính	Kỹ thuật đo khám khúc xạ chủ quan.		
4	Nguyễn Thị Mộng Triệu	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0014841/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	17				
5	Phan Đăng Long	Y sỹ	Kỹ thuật viên khúc xạ	0004081/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	30				
6	Phạm Thị Kim Yến	Cử nhân Điều Dưỡng	Kỹ thuật viên khúc xạ	0010973/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	28				
KHOA PHẪU THUẬT – GÂY MÊ HỒI SỨC										
1	Nguyễn Quốc Toàn	Tiến sỹ bác sỹ	Nhãn khoa	0002061/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	32	Các phẫu thuật và gây mê trong nhãn khoa	1. Các phẫu thuật trong nhãn khoa. 2. Gây mê trong nhãn khoa.	Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức	10
2	Trần Huy Hoàng	Bác sỹ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003662/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	15				
3	Huỳnh Chí Nguyễn	Bác sỹ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002199/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	16				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Bùi Huy Hoàng	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0027837/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	33				
5	Lê Anh Huy	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0012986/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	23				

1. ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH:

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	KHOA GIÁC MẠC									
1	Nguyễn Minh Khải	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0020868/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	20	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhân khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40 2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhân khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68 3. Thực tập chuyên ngành BS Nhân Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4. Thực tập chuyên ngành Bác	1. Viêm giác mạc vi trùng. 2. Viêm giác mạc do nấm. 3. Viêm giác mạc do virus. 4. Khô mắt, viêm bờ mi, viêm kết mạc...	Khoa Giác Mạc	30
2	Diệp Hữu Thắng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0004721/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21				
3	Nguyễn Thị Hồng An	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0000759/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
4	Phạm Nguyên Huân	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0002627/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	11				
5	Lê Thanh Ngọc	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0002645/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	20				
6	Hà Thị Mỹ Dung	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002622/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	23				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
							sỹ Nhân khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50 5.Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			
KHOA TẠO HÌNH THẨM MỸ - THẦN KINH NHÂN KHOA										
1	Nguyễn Thanh Nam	Tiến sĩ Bác sĩ	Nhân khoa	002520/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23	1.Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhân khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40 2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhân khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68 3. Thực tập chuyên ngành BS	Các bệnh lý: 1. Xuất huyết tiền phòng. 2. Rách giác mạc, rách củng mạc. 3. Đục lệch thủy tinh thể 4. Viêm thần kinh thị 5. Thiếu máu thần kinh thị 6. Viêm tổ chức hốc mắt...	Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhân khoa	35
2	Võ Nguyên Uyên Thảo	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0002780/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Biện Thị Cẩm Vân	Bác sĩ Chuyên khoa I	Nhân khoa	0015522/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
4	Dương Công Hinh	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhân khoa		Khám, chữa bệnh về Mắt	9				
5	Đặng Xuân Mai	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhân khoa		Khám, chữa bệnh về Mắt	12				
6	Nguyễn Thị Xuân	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng	013250/H CM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày	13				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
			chuyên khoa Mắt		22/4/2005 của Bộ Nội Vụ		Nhân Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4. Thực tập chuyên ngành Bác sỹ Nhân khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50 5. Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			
KHOA GLAUCOMA										
1	Nguyễn Trí Dũng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	24	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhân khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40	1. Soi góc tiền phòng 2. Góc đóng cấp 3. Glaucoma góc đóng cấp 4. Glaucoma góc mở 5. Glaucoma thứ phát 6. Laser cắt mộng mắt chu biên	Glaucoma	30
2	Trang Thanh Nghiệp	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0003808/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Phạm Thị Thủy Tiên	Tiến sĩ Bác sỹ	Nhân khoa	0006658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	16	2. Thực tập chuyên ngành Bác			

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
4	Mai Đăng Tâm	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	002774/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22	sĩ nội trú Nhãn khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68	7. Laser tạo hình vùng bề 8. Cắt bề cứng mạc		
5	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0022848/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	14	3. Thực tập chuyên ngành BS Nhãn Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65			
6	Huỳnh Võ Mai Quyên	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	10	4. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ Nhãn khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50			
7	Trương Thu Lệ Hà	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	002744/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17	5. Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			
8	Huỳnh Thúc Thí	Điều dưỡng Chuyên khoa 1	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002658/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	27				
KHOA DỊCH KÍNH VỒNG MẠC										

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Ngô Thanh Tùng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003096/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17	1.Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhãn khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40 2.Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhãn khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68 3.Thực tập chuyên ngành BS Nhãn Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4.Thực tập chuyên ngành Bác sỹ Nhãn khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50	1. Viêm màng bồ đào 2. Bong võng mạc 3. Võng mạc dải tháo đường 4. Tắc tĩnh mạch võng mạc 5. Màng trước võng mạc 6. Viêm mù nội nhãn.	Khoa Dịch Kính võng mạc	30
2	Nguyễn Như Quân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0001316/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13				
3	Dương Quốc Cường	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0002742/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	10				
4	Trần Thị Thanh Hồng	Bác sỹ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0021658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21				
5	Đỗ Thị Thùy Dương	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0016284/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	21				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
							5. Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			
KHOA MẮT NHI										
1	Nguyễn Ngọc Châu Trang	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002789/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	25	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhãn khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40	1. Viêm kết mạc sơ sinh. 2. Tắc lệ đạo bẩm sinh 3. Glaucoma bẩm sinh 4. Viêm loét giác mạc 5. Viêm màng bồ đào 6. Chấn thương mắt trẻ em 7. Lé trong bẩm sinh 8. Lé ngoài từng lúc..	Khoa Mắt Nhi	35
2	Nguyễn Chí Trung Thế Truyền	Tiến sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0004968/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	18	2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhãn khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68			
3	Võ Thị Hương Lan	Bác sĩ chuyên khoa I	Nhãn khoa	0003671/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	20				
4	Mai Thị Cẩm Nhung	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0013307/HCM-CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	12	3. Thực tập chuyên ngành BS Nhãn Khoa Chuyên khoa I Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65			
5	Võ Thị Chinh Nga	Bác sĩ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	003073/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
							4. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ Nhãn khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50 5. Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			
KHOA KHÁM MẮT										
1	Nguyễn Văn Thịnh	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	003083/H CM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhãn khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40	1. Khám mắt, đo thị lực nhãn áp, soi đáy mắt; Hướng dẫn khám và chẩn đoán các bệnh lý cơ bản: viêm kết mạc	Phòng khám	0
2	Võ Nguyên Uyên Thảo	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002780/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23		2. Chấn thương mắt, tật khúc xạ		
3	Phan Trọng Nghĩa	Cử nhân Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002644/HCM-CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	29	2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhãn khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68	3. Viêm màng bồ đào 4. Chấn thương mắt, tật khúc xạ 5. Đục thủy tinh thể 6. Viêm loét giác mạc, Glaucoma.		
4	Nguyễn Quang Huy	Bác sĩ chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002754/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
5	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	014829/H CM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	15	3. Thực tập chuyên ngành BS Nhân Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ Nhân khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50			
KHOA TỔNG HỢP										
1	Nguyễn Đỗ Nguyên	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	0003739/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	22	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhân khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40	1. Bệnh học thể thuỷ tĩnh 2. Phẫu thuật nhũ tương hoá thể thuỷ tĩnh. 3. Kính nội nhãn.	Khoa Tổng hợp	30
2	Nguyễn Quang Vinh	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhân khoa	013346/H CM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13				
3	Đoàn Thị Ngọc An	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0015775/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	13	2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhân khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68			

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
							3. Thực tập chuyên ngành BS Nhãn Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ Nhãn khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50			
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH										
1	Trần Thị Thanh Hồng	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0021658/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	21	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhãn khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40 2. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ nội trú Nhãn khoa	Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện và đọc kết quả chẩn đoán hình ảnh các kỹ thuật: Chụp OCT, chụp hình màu đáy mắt, siêu âm, đo Thị trường.	Chẩn đoán hình ảnh	0
2	Nguyễn Như Quân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0001316/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	13				
3	Âu Tâm Hào	Bác sĩ chuyên khoa 1	Nhãn khoa			9				
4	Võ Quang Hồng Diễm	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	0021861/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	17				

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đặt yêu cầu thực hành
5	Phạm Thanh Châu	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0002493/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	20	Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68 3. Thực tập chuyên ngành BS Nhân Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65 4. Thực tập chuyên ngành Bác sĩ Nhân khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50			
	KHOA KHÚC XẠ									
1	Phan Hồng Mai	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003233/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	19	1. Thực tập chuyên ngành Thạc sĩ Nhân khoa Số học phần: 900 Số tín chỉ: 40	1. Sinh lý thị giác 2 mắt 2. Thử kính sau mổ lấy thủy tinh thể. 3. Cách đo kính cận, viễn, loạn. 4. Cách viết đơn kính.	Khúc xạ	0
2	Hà Tư Nguyên	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0002591/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	23				
3	Lê Thị Kim Chi	Bác sĩ Chuyên khoa 2	Nhãn khoa	0003159/ HCM- CCHN	Khám, chữa bệnh về Mắt	15	2. Thực tập chuyên ngành Bác			

S T T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Thị Mộng Triệu	Cử nhân Điều Dưỡng	Điều dưỡng chuyên khoa Mắt	0014841/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	17	sĩ nội trú Nhân khoa Số tiết học phần: 270 Số tín chỉ: 68	5. Kỹ thuật đo khám khúc xạ chủ quan.		
5	Phan Đăng Long	Y sĩ	Kỹ thuật viên khúc xạ	0004081/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	30	3. Thực tập chuyên ngành BS Nhân Khoa Chuyên khoa 1 Số tiết học phần: 1290 Số học phần: 65			
6	Phạm Thị Kim Yến	Cử nhân Điều Dưỡng	Kỹ thuật viên khúc xạ	0010973/ HCM- CCHN	Theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội Vụ	28	4. Thực tập chuyên ngành Bác sỹ Nhân khoa Chuyên khoa 2 Số tiết học phần: 1350 Số học phần: 50 5. Thực tập Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt Học phần: 2 Số tín chỉ: 01			

Người lập bảng



CM: *Chữ ký: M.Đ. 10.10*



DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo bảng công bố số 365/BVM ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Bệnh viện Mắt)

Stt	Tên Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
TRANH THIẾT BỊ CHUNG			
1	Máy chiếu Projector	05	
2	Labtop phục vụ công tác giảng dạy	06	
3	Giảng đường 150 chỗ	01	
4	Giảng đường 80 chỗ	01	
5	Giảng đường 60 chỗ	01	
6	Phòng họp giao ban lớn của bệnh viện	02	
7	Phòng thực hành Weblab	01	
8	Thư viện hơn 1000 đầu sách	01	
KHOA GIÁC MẠC			
1	Sinh hiễn vi khám mắt	5	
2	Giường bệnh	30	
3	Bộ dụng cụ kiểm tra khô mắt	01	
4	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	02	
5	Đèn soi đáy mắt	01	
6	Bảng đo thị lực	02	
KHOA TẠO HÌNH THẨM MỸ - THẦN KINH NHÃN KHOA			
1	Sinh hiễn vi khám mắt	5	
2	Giường bệnh	35	
3	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	02	



Stt	Tên Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
4	Đèn soi đáy mắt	01	
5	Đèn soi hình đảo	02	
6	Bộ đo độ lồi	01	
7	Bộ đo sắc giác	01	
8	Bảng đo thị lực	02	
	KHOA GLAUCOMA		
1	Sinh hiển vi khám mắt	5	
2	Giường bệnh	30	
3	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	04	
4	Đèn soi đáy mắt	04	
5	Máy đo bề dày giác mạc	01	
6	Máy đo nhãn áp không tiếp xúc	01	
7	Bảng đo thị lực	02	
8	Máy Laser SLT	01	
	KHOA DỊCH KÍNH VỔNG MẠC		
1	Sinh hiển vi khám mắt	04	
2	Giường bệnh	30	
3	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	03	
4	Đèn soi đáy mắt	02	
5	Đèn soi hình đảo	01	
6	Bảng đo thị lực	03	
	KHOA KHÚC XẠ		
1	Sinh hiển vi khám mắt	08	
2	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	02	
3	Đèn soi đáy mắt	02	
4	Máy đo bề dày giác mạc	02	
5	Máy chiếu thị lực + bảng thị lực	09	
6	Bộ dụng cụ thực hành khúc xạ	10	

Stt	Tên Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
7	Máy Autofract	5	
8	Đèn soi hình đảo	01	
9	Bộ đo sắc giác	02	
10	Máy đo bản đồ giác mạc	02	
	KHOA TỔNG HỢP		
1	Sinh hiển vi khám mắt	03	
2	Giường bệnh	30	
3	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	01	
4	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	02	
5	Bảng đo thị lực	02	
	KHOA KHÁM MẮT		
1	Sinh hiển vi khám mắt	32	
2	Giường bệnh (cấp cứu)	01	
3	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	16	
4	Đèn soi đáy mắt	16	
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		
1	Bộ dụng cụ đo nhãn áp	01	
2	Đèn soi đáy mắt	01	
3	Máy siêu âm A	04	
4	Máy siêu âm B	04	
5	Siêu âm UBM	02	
6	Máy chụp đáy mắt huỳnh quang	02	
7	Máy đo Thị trường FDT	03	
8	Máy Laser Yag	04	
9	Máy Laser Quang đông mạc	02	
	KHOA PHẪU THUẬT GÂY MÊ HỒI SỨC		



Stt	Tên Trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Giường bệnh (hồi sức cấp cứu)	9	
2	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	06	
3	Bộ dụng cụ trung phẫu	30	
4	Kính hiển vi và dụng cụ phẫu thuật	29	
5	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	02	

Người lập bảng



Trần Thị Hiếu Nghĩa

Giám đốc



BS. CKII. NGUYỄN MINH KHẢI

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

Số: 215 /QĐ-BVM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu giường bệnh cho các Khoa/phòng trực thuộc bệnh viện Mắt

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT

- Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;
- Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-UB, ngày 17/5/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên Trung tâm Mắt thành Bệnh viện Mắt thuộc Sở Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 7097/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Sở Y tế việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Mắt trực thuộc Sở Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 5301/QĐ-SYT ngày 08/10/2018 của Sở Y tế về việc giao chỉ tiêu giường bệnh cho các đơn vị thuộc ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018;
- Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế Hoạch Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao cho các Khoa/phòng trực thuộc Bệnh viện Mắt chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh được giao các Khoa/phòng có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng chỉ tiêu được giao.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và các Ông, Bà Trưởng/Phó Khoa, Phòng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT; KHTH.

Giám Đốc

Ds Nguyễn Minh Khải

**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIƯỜNG BỆNH
CÁC KHOA/PHÒNG TRỰC THUỘC BỆNH VIỆN MẮT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BVM ngày 25 tháng 3 năm 2019
của Giám đốc Bệnh viện Mắt)

STT	Khoa/phòng	Kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh
1	Khoa Giác mạc	30
2	Khoa Glaucoma	30
3	Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa	35
4	Khoa Dịch kính võng mạc	30
5	Khoa Mắt Nhi	35
6	Khoa Tổng hợp	30
7	Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức	10
TỔNG CỘNG		200


Giám đốc

Nguyễn Minh Khải